

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 01/GPMT-HSNT ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2527/TTr-STNMT ngày 04 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận, địa chỉ tại thôn Trà Giang 4, xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 1 tại xã Lâm Sơn và xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Dự án nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Lâm Sơn và xã Lương Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: mã số 4500613795 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần

đầu ngày 27 tháng 4 năm 2017, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 18 tháng 03 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 4500613795.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: mức vốn Dự án tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng: 198.613 m².

- Công suất Dự án:

+ Công suất phát điện: 6,6 MW gồm 02 tổ máy, có công suất 3,3 MW/1 tổ máy.

+ Tuyến đường dây 22 kV đấu nối: dài 9,5 km.

- Tổng vốn đầu tư: 227.311.000.000 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất

ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: mười (10) năm (Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: TNMT, CT;
- UBND huyện Ninh Sơn;
- UBND các xã: Lâm Sơn và Lương Sơn;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT.LXH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên.
- Nguồn số 02: nước thải có nguy cơ nhiễm dầu do rò rỉ và tháo khô tổ máy trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng.
- Nguồn số 03: nước làm mát các tổ máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 01):

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt: nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho các hoạt động trong khuôn viên của Dự án.

2.1.2. Vị trí xả nước thải:

- Bể chứa có tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1307184$; $Y = 553702$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $0,225 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $0,009 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.1.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.1.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.1.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện theo	Không thuộc đối tượng thực hiện theo
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		

3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000		

2.2. Dòng nước thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02):

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải có nguy cơ nhiễm dầu sau khi tách dầu được bơm ra sông Ông.

2.2.2. Vị trí xả thải:

- Tọa độ vị trí điểm xả: X = 1307181; Y = 553675 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°)

- Điểm xả có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước rò rỉ có nguy cơ nhiễm dầu: khoảng 0,05 m³/ngày đêm (tương đương 0,002 m³/giờ).

- Nước tháo khô từ tổ máy phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng: khoảng 3 m³/ngày đêm (định kỳ xả thải 1 lần/năm).

2.2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau khi tách dầu bằng hồ thu nước được bơm xả ra sông Ông tại kênh xả nước của Dự án.

2.2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn.

2.2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT -

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	54	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ	08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn, sau đó tái sử dụng cho các hoạt động trong khuôn viên của Dự án.

- Nguồn số 02: nước thải sản xuất sau khi tách dầu bằng hố thu nước được bơm xả ra sông Ông tại kênh xả nước của Dự án.

- Nguồn số 03: nước sau khi làm mát các tổ máy, không làm thay đổi tính chất nước, không nhiễm dầu mỡ sẽ được bơm xả ra sông Ông tại kênh xả nước của Dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải nguồn số 01 → bể tự hoại 05 ngăn (gồm: ngăn lọc kỵ khí 1, ngăn lọc kỵ khí 2, ngăn lọc màng sinh học, ngăn chứa nước sau xử lý và ngăn khử trùng) → tái sử dụng phục vụ các hoạt động trong khuôn viên của Dự án.

- Số lượng bể: 01 bể.

- Dung tích: 3,54 m³.

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: bể tự hoại cải tiến được xây bằng bê tông cốt thép; Chlorine dạng viên.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải nguồn số 02 → hồ thu nước (tách vớt dầu và lọc dầu) → sông Ông.

- Số lượng hồ thu: 01 hồ thu nước.

- Dung tích: 23,76 m³.

- Vật liệu: bê tông cốt thép.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục; quan trắc định kỳ: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của các công trình xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, nạo vét định kỳ bùn cặn trong công trình xử lý nước thải và hệ thống thu gom, thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/7/2024 đến ngày 30/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ Tại vị trí xả thải nước thải sinh hoạt sau xử lý, có tọa độ X = 1307184; Y = 553702 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°).

+ Tại vị trí xả thải nước thải sản xuất sau xử lý, có tọa độ X = 1307181; Y = 553675 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo Mục 2.1.3.3 và Mục 2.2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định mỗi công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi tái sử dụng trong khu vực Dự án đối với nước thải sinh hoạt và xả thải ra nguồn tiếp nhận đối với nước thải sản xuất.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Kiểm soát chặt chẽ nước làm mát (không sử dụng hoá chất, không nhiễm dầu theo cam kết của Công ty) trước khi xả trực tiếp ra môi trường.

3.5. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hoàng Sơn Ninh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tổ máy phát điện số 01.
- Nguồn số 02: tổ máy phát điện số 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ X = 1307189; Y = 553673.
- Nguồn số 02: tọa độ X = 1307188; Y = 553668.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	Rắn	15
4	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu	17 05 05	Lỏng	30
Tổng cộng				100

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Vật liệu lọc, giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	60
2	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	10
Tổng cộng				70

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 180 kg/năm. Thành phần chủ yếu là phôi sắt, thép phế liệu, giấy nhám, sứ, dây dẫn, thanh thép hỏng, ...

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 2.738 kg/năm. Thành phần chủ yếu là hộp thức ăn, thực phẩm rơi, vụn và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: hai (02) thùng phuy sắt dung tích 60 lít/thùng và ba (03) thùng rác bằng nhựa dung tích 60 lít/thùng đặt trong kho lưu chứa chất thải nguy hại.

- Kho lưu chứa: diện tích 6,0 m² (kích thước 3,0 m x 2,0 m), tường được bao bằng tôn, mái lợp tôn, nền láng xi măng có gờ ngăn nước mưa chảy vào kho theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: hai (02) thùng rác bằng nhựa dung tích 60 lít/thùng..

- Kho lưu chứa: diện tích 6,0 m² (kích thước 3,0 m x 2,0 m), tường được bao bằng tôn, mái lợp tôn, nền láng xi măng có gờ ngăn nước mưa chảy vào kho.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: hai (02) thùng rác bằng nhựa dung tích 25 lít/thùng và hai (02) thùng rác bằng nhựa dung tích 60 lít/thùng.

- Kho lưu chứa: diện tích 6,0 m² (kích thước 3,0 m x 2,0 m), tường được bao bằng tôn, mái lợp tôn, nền láng xi măng có gờ ngăn nước mưa chảy vào kho.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường: các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Dự án; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bên bờ sông Ông trong quá trình vận hành Dự án để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại, bố trí khu lưu giữ, chuyên giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thu gom, quản lý rác, rế, cành cây, ... trôi từ thượng nguồn.

3. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

4. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình Dự án vận hành.

5. Thực hiện các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

7. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo các quy định pháp luật hiện hành.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.